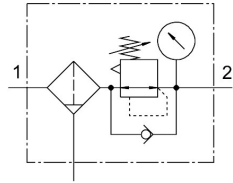


# Bộ lọc điều áp LFR-1-D-DI-MAXI

Số bộ phận: 192380

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Maxi                                            |
| Dòng                                                       | D                                               |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | đọc +/- 5°                                      |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 40 µm                                           |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | xoay thủ công                                   |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ điều chỉnh bộ lọc với áp kế                  |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 43 cm³                                          |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giò bảo vệ kim loại                             |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | với áp kế                                       |
| Áp suất vận hành                                           | 0.1 MPA...1.6 MPA<br>1 bar...16 bar             |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.5 bar...12 bar                                |
| Độ trễ áp suất tối đa                                      | 0.04 MPA<br>0.4 bar<br>5.8 psi                  |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 7000 l/ph                                       |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:9:-]<br>Khí trơ |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                               |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                  |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:4]<br>Khí trơ |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                  |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 1670 g                                          |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây                               |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1                                              |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1                                              |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                   |

| Đặc tính    | Giá trị              |
|-------------|----------------------|
| Vật liệu vỏ | Kém đúc áp lực<br>PC |